

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/DS-ST

Ngày: 26 - 9 - 2018

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phiêm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Tuyên.

2. Bà Trần Thị Xanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2018/TLST - DS ngày 11 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Thái Thị L1; có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim L2; có mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn H; có mặt,

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/7/2018 và trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Thái Thị L1 trình bày: Ngày 03/9/2016, vợ chồng chị Nguyễn Thị Kim L2 có vay của bà Thái Thị L1 số tiền 150.000.000 đồng, đến ngày 08/9/2016 vợ chồng chị L2 tiếp tục vay của bà Thái Thị L1 số tiền 50.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/một ngày. Khi vay thì vợ chồng chị L2 có thỏa thuận trong thời hạn vài ngày sẽ trả cho bà Thái Thị L1 nhưng

đến hạn bà L1 đã đòi nợ nhiều lần mà vợ chồng chị L2 không trả cho bà L1. Khi vay, chị L2 là người trực tiếp viết 01 giấy ghi nội dung vay tiền đề ngày 03/9/2016 và 01 giấy ghi nội dung vay tiền đề ngày 08/9/2016. Tất cả những ngày ghi trong giấy vay tiền là ngày âm lịch. Trong hai giấy ghi nội dung vay tiền trên không có chữ ký của anh H (chồng chị L2), tuy H chị L2 vay số tiền này về để đầu tư trong gia đình. Mặc dù bà L1 đòi nhiều lần nhưng vợ chồng chị L2 mới trả cho bà L1 số tiền lãi là 10.000.000 đồng mà không trả tiền gốc nay bà L1 đề nghị Tòa án buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Kim L2 và anh Nguyễn Văn H trả cho bà L1 số tiền gốc là 200.000.000 đồng và lãi phát sinh theo quy định pháp luật.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 06/8/2018 chị Nguyễn Thị Kim L2 và trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa trình bày: Ngày 03/9/2016 vợ chồng chị L2 có vay của bà Thái Thị L1 số tiền 150.000.000 đồng, đến ngày 08/9/2016 vợ chồng chị L2 tiếp tục vay của bà L1 số tiền 50.000.000 đồng. Hai bên đương sự thỏa thuận lãi suất là 2.000đ/1.000.000 đồng/một ngày. Khi vay thì vợ chồng chị L2 có thỏa thuận khi nào bà L1 cần tiền thì vợ chồng chị L2 trả cho bà L1. Khi vay thì chị L2 là người trực tiếp ghi hai giấy có nội dung vay tiền đề ngày 03/9/2016 và ngày 08/9/2016, chị H cũng thừa nhận ngày ghi trong hai giấy vay tiền là ngày âm lịch và anh H chồng chị L2 không ký vào giấy nhưng số tiền vay nêu trên là vợ chồng chị L2 cùng vay của bà L1. Quá trình vay vợ chồng chị L2 đã trả được cho bà L1 10.000.000 đồng tiền lãi, còn số tiền gốc vợ chồng chị L2 chưa trả được khoản tiền nào. Quá trình vay thì bà L1 cũng đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng chị L2 trả nợ nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng chị L2 không có tiền trả cho bà L1 vì lý do cây hồ tiêu và cà phê mất mùa. Nay bà L1 yêu cầu trả nợ thì chị L2 thừa nhận vợ chồng chị L2 có nợ bà L1 số tiền gốc là 200.000.000 đồng và lãi phát sinh như bà L1 yêu cầu ở trên nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng chị L2 không có điều kiện trả và đề nghị được trả dần tiền gốc mỗi năm 20.000.000 đồng sau khi trả hết nợ gốc thì trả đến nợ lãi.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh H hoàn toàn đồng ý với ý kiến của chị L2. Số tiền vay của bà L1 là để sử dụng chung trong gia đình nên trước yêu cầu khởi kiện của bà L1 thì anh H thừa nhận vợ chồng anh H còn nợ bà L1 số tiền gốc là 200.000.000 đồng và lãi phát sinh. Tuy H vì hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng anh H không có điều kiện trả và xin trả dần theo như yêu cầu của vợ anh.

Quá trình làm việc tại Tòa án, bà Thái Thị L1 nộp chứng cứ là hai giấy ghi nội dung vay tiền đề ngày 03/9/2016 và ngày 08/9/2016. Hai giấy nêu trên đều do chị Nguyễn Thị Kim L2 trực tiếp ghi, hai bên cũng thừa nhận nội dung ghi trong hai giấy nêu trên là đúng sự thật.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự giữ nguyên quan điểm của mình, yêu cầu Hội đồng xét xử (HĐXX) giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của HĐXX là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành

pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ L1 vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nội dung vụ án, đại diện VKS đề nghị HĐXX: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Thái Thị L1, buộc chị Nguyễn Thị Kim L2 và anh Nguyễn Văn H trả số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 03/9/2016 âm lịch, buộc chị Nguyễn Thị Kim L2 và anh Nguyễn Văn H trả số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 08/9/2016 âm lịch và tiền lãi theo quy định, sau khi đã trừ đi số tiền lãi đã trả là 10.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Bà Thái Thị L1 khởi kiện chị Nguyễn Thị Kim L2 về việc yêu cầu chị L2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hai giấy ghi nội dung vay tiền. Vì vậy, HĐXX nhận thấy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị Kim L2 và anh Nguyễn Văn H hiện đang cư trú tại thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 03/9/2016 âm lịch (tức ngày 03/10/2016 dương lịch) và ngày 08/9/2016 âm lịch (tức ngày 08/10/2016 dương lịch) chị Nguyễn Thị Kim L2 và anh Nguyễn Văn H vay tiền của bà Thái Thị L1, hai bên hẹn thời hạn trả nợ là vài ngày. Từ thời điểm anh H, chị L2 vi phạm nghĩa vụ đến ngày bà Thái Thị L1 khởi kiện ngày 11/7/2018 vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc: Thực tế giữa bà Thái Thị L1 và chị Nguyễn Thị Kim L2, anh Nguyễn Văn H có thỏa thuận trong đó anh H, chị L2 vay của bà L1 hai lần vay với tổng số tiền gốc là 200.000.000 đồng. Quá trình hai bên có lập hai giấy ghi nội dung vay tiền đề ngày 03/9/2016 và ngày 08/9/2016. Chị L2 là người trực tiếp ghi hai giấy nêu trên với nội dung vay lần 1 là 150.000.000 đồng và lần 2 là 50.000.000 đồng. Chị L2 và anh H thừa nhận việc có vay bà L1 số tiền gốc nêu trên, quá trình vay, chị L2, anh H chưa trả cho bà L1 được khoản tiền gốc nào. Vì vậy, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà L1 về việc buộc chị L2, anh H trả cho bà L1 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) tiền gốc là có cơ sở nên cần chấp nhận theo quy định tại Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 (gọi tắt là BLDS năm 2005);

[3.2] Đối với phần lãi phát sinh: Quá trình làm việc bà Thái Thị L1 cho rằng hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng nhưng tại phiên tòa bà L1 thừa nhận lãi suất là 2.000đ/1.000.000 đồng/một ngày đúng như chị Nguyễn Thị Kim L2 và anh Nguyễn Văn H trình bày nhưng bà L1 chỉ yêu cầu hai người trả lãi theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy khi vay các bên thỏa thuận lãi suất

2.000đ/1.000.000 đồng/một ngày tương đương với 6%/tháng/trên tổng số tiền vay. Số tiền lãi trên là quá cao so với quy định của pháp luật.

Tại Khoản 1 Điều 476 BLDS năm 2005 quy định:

Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150 % của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng.

Tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định lãi suất cho các khoản vay ngắn hạn là 9%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 476 BLDS năm 2005. Như vậy lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định cho các bên khi thỏa thuận cho các vay ngắn hạn 1 tháng là: $(9 \%/năm : 12 tháng \times 150 \%) = 1.125 \%$.

Tại phiên tòa hôm nay bà L1 cũng chỉ yêu cầu chị L2 và anh H trả lãi theo quy định của pháp luật. Vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà L1 buộc chị L2 và anh H phải trả cho bà L1 số tiền lãi theo quy định của pháp luật được tính như sau:

Đối với khoản vay ngày 03/9/2016 âm lịch (tức ngày 03/10/2016 dương lịch) lãi phát sinh đến thời điểm xét xử ngày 26/9/2018 là $\{(150.000.000đ \times 1,125\%/tháng) \times 23 tháng 24 ngày\} = 40.162.500$ đồng.

Đối với khoản vay ngày 08/9/2016 âm lịch (tức ngày 08/10/2016 dương lịch) tiền lãi phát sinh đến thời điểm xét xử ngày 26/9/2018 là $\{(50.000.000 đồng \times 1,125\%/tháng) \times 23 tháng 18 ngày\} = 13.275.000$ đồng.

Tổng lãi phát sinh đối với hai khoản vay là 53.437.500 đồng (*Năm mươi ba triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*). Quá trình vay, anh H, chị L2 đã trả cho bà L1 10.000.000 đồng và bà L1 cũng thừa nhận đã nhận số tiền lãi này nên số tiền lãi anh H và chị L2 đã trả được trừ đi số tiền lãi phải trả cho bà L1. Như vậy anh H, chị L2 chỉ còn phải trả cho bà L1 số tiền lãi phát sinh là 43.437.500 đồng (*Bốn mươi ba triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

[3.3]. Như vậy tổng số tiền mà chị Nguyễn Thị Kim L2 và anh Nguyễn Văn H phải trả cho bà Nguyễn Thị L1 tổng số tiền gốc và lãi là 243.437.500 đồng (*Hai trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của bà Thái Thị L1 được chấp nhận nên cần buộc chị Nguyễn Thị Kim L2 và anh Nguyễn Văn H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị L1.

Buộc chị Nguyễn Thị Kim L2 và anh Nguyễn Văn H phải trả cho bà Thái Thị L1 số tiền là: 243.437.500 đồng (*Hai trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh là 43.437.500 đồng (*Bốn mươi ba triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*). Lãi suất tính đến ngày 26/9/2018.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Kim L2 và anh Nguyễn Văn H phải chịu 12.171.500 đồng (*Mười hai triệu một trăm bảy mươi một nghìn năm trăm đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Nơi nhận:

- STP tỉnh Đắk Nông;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Phạm Văn Phiêm